

Bản án số: 385/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2018
“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/- Bà Mai Hồng Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ N, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ N, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện V/v xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào năm 1995, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C không chí thú làm ăn để phụ chị chăm lo cho gia đình mà thường tự

tập ăn chơi, uống rượu, chửi mắng và nhiều lần đánh chị vô cớ, không quan tâm đến gia đình vợ con, trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn với anh C nhưng qua hòa giải chị đồng ý cho anh C cơ hội sửa chữa, nên đã làm đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vụ án đã đình chỉ, nhưng anh C vẫn không có sự thay đổi và ngày càng quá đáng hơn, vợ chồng ly thân từ tháng 06/2015 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về con chung: Có 03 con chung là Lê Văn T1, sinh năm 1997, Lê T2, sinh ngày 14/8/2000 đều đã trưởng thành và Lê Thanh B, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu T1, T2 và cháu B đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn C: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn C là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn C.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn C kết hôn với nhau vào năm 1995, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh, chị vi phạm tại điều 9 luật hôn nhân gia đình 2014. Căn cứ vào điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn C.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Lê Văn T1, sinh năm 1997, Lê T2 Em, sinh ngày 14/8/2000 đều đã trưởng thành và Lê Thanh B, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu T1, T2 và cháu B đang sống với chị N. Tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, từ lúc ly thân đến nay cháu B sống cùng với chị N về cuộc sống vật chất và tinh thần đã tạm ổn định, tại từ tự khai ngày 22/11/2018 cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, nghĩ nên để chị N được tiếp tục nuôi con là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Lê Văn C.

- Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là **Lê Thanh B, sinh ngày 12/12/2008, riêng Lê Văn T1, sinh năm 1997, Lê T2, sinh ngày 14/8/2000 đều đã trưởng thành.**

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh C, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008720 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2018). Anh Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa